TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-PT
Ngày 03 tháng 01 năm 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2024 và 03 tháng 1 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 797/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo và bị kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1212/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Đinh Trần Minh T, sinh năm 2001;

2. Chị Đinh Trần Minh T1, sinh năm 2001;

Địa chỉ: số B, hẻm I, đường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: bà Trần Thị H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: số B, hẻm I, đường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Đinh Trần Minh Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: tổ I, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Trần Minh T2, sinh

năm 1989;

Cư trú tại: F, Rio Bravo A, CA I, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q, chị T2: anh Phạm Quốc T3, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: số C đường L, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: số B, hẽm I, đường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh

- **Người kháng cáo**: Bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị Đinh Trần Minh T và chị Đinh Trần Minh T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đinh Trần D, sinh năm 1959 chết năm 2018. Ông D và bà Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 1997 tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, không có đăng ký kết hôn, ông D và bà H có 02 người con chung là chị Đinh Trần Minh T và chị Đinh Trần Minh T1 cả hai sinh năm 2001. Đến 2007, ông D và bà H không còn chung sống nữa, chị T và chị T1 sống chung với ông D, đến năm 2016 thì chị T, chị T1 về sống chung với bà H tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Năm 2018, ông D bệnh nặng và chết vào ngày 13/02/2018 không để lại di chúc. Khi cha chị T, chị T1 còn sống có tạo lập các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

- Quyền sử dụng đất tại thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Nay chị T, chị T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông D chết để lại theo quy định pháp luật .Yêu cầu được chia bằng giá trị theo giá đã định và không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản trên đất.

Bị đơn - anh Đinh Trần Minh Q và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Cha anh là ông Đinh Trần D, sinh năm 1959, chết ngày 13/02/2018 và mẹ là Trần Thị Lệ P, sinh năm 1965, chết ngày 31/12/1995. Ông D và bà P có 02 con chung tên Đinh Trần Minh T2, sinh năm 1989 và anh là Đinh Trần Minh Q, sinh năm 1991. Sau khi mẹ anh chết thì năm 1997, cha anh là ông D có chung

sống với bà H và có 02 người con chung tên Đinh Trần Minh T và Đinh Trần Minh T1 (cả 02 sinh năm 2001). Ông D, bà P chết không để lại di chúc. Lúc cha, mẹ anh còn sống có tạo lập được các tài sản là:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trên phần đất này có căn nhà cấp 4 do ông D xây dựng nhưng do đất ngập nước và nhà xuống cấp anh Q đã đập bỏ và xây dựng lại năm 2022 giá 600.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và chị T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cha anh chết để lại thì anh có ý kiến như sau:

+ Đối với phần đất thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Anh Q xác định đây là tài sản chung của ông D và bà P (mẹ anh Q) tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Anh Q xác định đối với phần đất này chỉ có 01 nửa là di sản thừa kế của ông D, 01 nửa là di sản của bà P. Vì vậy, anh chỉ đồng ý chia 01 nửa di sản thừa kế này thành 04 phần cho các con của ông D.

+ Đối với phần đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3 m^2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đây là phần đất được nhà nước cấp cho hộ gia đình ông D và hộ gia đình ông D gồm: ông D, bà Trần Thị N (mẹ ông D), chị Đinh Trần Minh T2 và anh Đinh Trần Minh Q, nhà nước cấp năm 1998. Đây là tài sản chung của 04 đồng sở hữu, nên di sản thừa kế của ông D là ¼ diện tích 3.418,3 m^2.

- Đối với nghĩa vụ về tài sản do ông D để lại là số nợ ngân hàng: tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi là 67.652.546 đồng. Vay tháng 9/2016 đến tháng 9/2019, số nợ này do ông D vay và do anh Q đứng ra trực tiếp chi trả. Đề nghị Tòa án xem xét khấu trừ vào phần yêu cầu di sản thừa kế.

- Chi phí đám tang cho ông D tổng cộng là 90.000.000 đồng.

- Tổng cộng số tiền yêu cầu khấu trừ là 457.652.546 đồng.

- Ông Q yêu cầu xem xét công sức của anh Q về quản lý di sản thừa kế và công sức chăm sóc, phụng dưỡng, nuôi bệnh ông D đến khi mất chi phí 200.000.000 đồng.

- Anh Q yêu cầu được nhận đất và đồng ý thanh toán lại theo giá trị cho 02 người con của ông D là chị T và chị T1 sau khi đã khấu trừ các chi phí như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đinh Trần Minh T2 và

người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Thống nhất như ý kiến anh Q và nếu chị T2 được chia di sản thừa kế của cha chết để lại thì đồng ý giao lại cho anh Q được quyền quản lý, sử dụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 623; 649; 650 và 651 Bộ luật Dân sự và Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Trần Minh T và chị Đinh Trần Minh T1 đối với anh Đinh Trần Minh Q về tranh chấp di sản thừa kế.

2. Anh Đinh Trần Minh Q tiếp tục được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh và phần đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3 m2 toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Buộc anh Đinh Trần Minh Q có nghĩa vụ giao lại cho chị Đinh Trần Minh T số tiền 356.405.000 (ba trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng và giao lại cho chị Đinh Trần Minh T1 số tiền 356.405.000 (ba trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn).

4. Về chi phí tố tụng: căn cứ theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự: buộc anh Đinh Trần Minh Q phải trả lại cho chị Đinh Trần Minh T số tiền 9.000.000 đồng và chị Đinh Trần Minh T1 phải trả lại cho chị Đinh Trần Minh T số tiền 4.500.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/09/2024, anh Đinh Trần Minh Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định di sản thừa kế của ông Đinh Trần D chỉ có 1/2 trong khu đất thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m2; 1/4 trong khu đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3 m2 đều toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh và đồng ý chia phần di sản này của ông D.

Ngày 16/9/2024, Viên trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Phạm Quốc T3, anh Đinh Trần Minh Q trình bày: Di sản thừa kế của ông Đinh Trần D chỉ có 1/2 trong khu đất thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,90 m2; 1/4 trong khu đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3m2 đều toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh và đồng ý chia phần di sản này của ông D. Đề nghị trích cho anh Q một phần công sức đóng góp quản lý, tôn tạo di sản; công sức chăm sóc phụng dưỡng ông D khi ông D còn sống. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Q, xem xét chia lại thừa kế theo đúng quy định pháp luật.

Chị Đinh Trần Minh T1 trình bày: Về phụng dưỡng cho cha tôi thì mẹ tôi cũng đã phụ chăm bệnh cho ông D. Ông Q đưa thông tin sai sự thật vì thời điểm cha tôi mất rồi xảy ra dịch C và tôi cũng mắc bệnh dịch, sau đó tôi cũng có ghé thắp hương. Ba tôi có phần đất 3418,3m^2 cho thuê mà xuyên suốt thời gian tôi không nhận được khoản tiền nào từ việc cho thuê đất. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét bác kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Trần Thị H: Thống nhất với phần trình bày của chị T1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất số 210 theo trình bày của ông Q là do ông D, bà P mua trong thời kỳ hôn nhân. Khi bà P chết, ông D đi đăng ký và chỉ cấp cho mình ông D. Thửa đất số 95 là cấp cho hộ gồm 04 người. Xét thấy 02 thửa đất hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông D, bà P. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, làm rõ về vấn đề kết hôn giữa ông D, bà P là thiếu sót. Việc đưa ra chia thừa kế khi chưa làm rõ các vấn đề này là không chính xác, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp giấy đất, chưa xác minh tại cơ quan có thẩm quyền mà đã xác định đây là tài sản của ông D là không phù hợp. Anh Q cũng đã trả nợ cho ngân hàng thay ông D, khoản tiền này bị đơn không kháng cáo, tuy nhiên để xem xét toàn diện vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề này. Phía nguyên đơn cũng cung cấp thông tin về khoản tiền điếu cũng cần xem xét lại. Kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của Đinh Trần Minh Q, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tung dân sự 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định khu đất diện tích 205,90m^2, toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh do ông Trần Đình D1 mua năm 1993 của ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q trình bày ông D1 chung sống với bà P trước năm 1987. Theo giấy khai sinh thì con chung của ông Trần Đình D1 và bà Trần Thị Lệ P là anh Đinh Trần Minh Q sinh năm 1991, chị Đinh Trần Minh T2 sinh năm 1989 nên có căn cứ xác định khu đất này được tạo lập khi ông D1 đang chung sống với bà Trần Thị Lệ P. Như vậy, cần phải xác minh làm rõ lời trình bày này của anh Q có đúng không để xác định mối quan hệ giữa ông D1 với bà P là hôn nhân thực tế hay chung sống với nhau như vợ chồng, từ đó làm cơ sở xác định tài sản tranh chấp có phải là tài sản chung vợ chồng của ông D1 với bà P hay không. Đối với phần đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.418,3m^2, toạ lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình từ năm 1998. Anh Q trình bày trong hộ gồm ông D1, cụ Trần Thị N là mẹ của ông D1, anh Q, chị T2. Do đó, cần phải xác minh làm rõ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hộ gia đình của ông D1 gồm những ai, có phần của cụ N hay không để đưa những người thuộc hàng thừa kế của cụ N vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các những tình tiết này là thiếu sót.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Đinh Mạnh Q1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh

Diện tích 205,90m^2 và diện tích 3.418,3m^2 nêu trên theo chị T và chị T1 cho rằng đây là toàn bộ di sản của ông D1 để lại. Nhưng anh Q1 lại trình bày diện tích 3.418,3m^2 được cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 là tài sản chung

của hộ gia đình, khi đó hộ gia đình gồm mẹ ông D1 là cụ Trần Thị N, ông D1, anh Q1, chị T2 nên yêu cầu chia phần tài sản này thành 04 phần và xác định di sản của ông D1 chỉ có ¼ trong khối tài sản này.

Đối với Diện tích 205,90m^2 thì anh Q1 cho rằng đây là tài chung vợ chồng của ông D1, bà P và theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 30/5/2022 thì cũng có nội dung thể hiện tài sản này là tài sản chung của ông D1, bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q1 cung cấp Giấy mua bán đất giữa ông Trần Minh N1 với ông D1 vào ngày 24/8/1993, trong khi đó con chung của ông D1 với bà P là chị T2 sinh năm 1989 và anh Q1 sinh năm 1991 nên có cơ sở xác định tại thời điểm giao dịch chuyển nhượng khu đất này thì bà P đang chung sống với ông D1. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh làm rõ ông D1 chung sống với bà P có phải trước ngày 03/1/1987 khi luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực hay không? để xác định quan hệ hôn nhân của ông D1 với bà P là hôn nhân hợp pháp hay chỉ chung sống như vợ chồng, từ đó mới có căn cứ xác định được chính xác phần di sản của ông D1 trong khối tài sản này là bao nhiêu để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ, nhưng đã xác định khối tài sản này toàn bộ là di sản của ông D1 là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và một phần kháng cáo của ông Đinh Trần Minh Q; huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông Đinh Trần Minh Q không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 , Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2025;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và một phần kháng cáo của ông Đinh Trần Minh Q.

2. Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Trần Minh Q không phải chịu. Trả lại cho ông Đinh Trần Minh Q 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0000509 ngày 16/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơinhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu HSVA (1), VP (5) (LMA);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh

H